

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư ở giai đoạn xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; các dự án do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, các Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận đầu tư quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 39 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

- Các cơ quan tổ chức thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư theo quy định tại Phần IV Thông tư này.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm tra công nghệ dự án đầu tư.

II. NỘI DUNG THẨM TRA CÔNG NGHỆ

Trong hồ sơ dự án đầu tư, cần thẩm tra những nội dung sau:

1. Công nghệ của dự án

a) Xem xét công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao, Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao hoặc Danh mục công nghệ cấm chuyển giao ban hành kèm theo Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

b) Xem xét sự hoàn thiện của công nghệ: Tùy loại sản phẩm và phương pháp sản xuất, sơ đồ công nghệ có thể khác nhau, nhưng phải thể hiện đầy đủ các công đoạn trong dây chuyền sản xuất nhằm tạo ra được các sản phẩm đã dự kiến cả về số lượng và chất lượng.

c) Xem xét mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ: Dây chuyền công nghệ đạt trình độ tiên tiến là dây chuyền sản xuất chuyên môn hoá, được tổ chức theo phương pháp cơ khí - tự động hóa, trong đó có ứng dụng kỹ thuật số và ít nhất phải có 1/3 (một phần ba) tính theo giá trị các thiết bị tự động được điều khiển theo chương trình; trên dây chuyền sản xuất không có các khâu lao động thủ công nặng nhọc; dây chuyền sản xuất được bố trí trong không gian đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

d) Lựa chọn công nghệ: Qua các phương án công nghệ nêu trong dự án đầu tư, cần phân tích, so sánh ưu nhược điểm của từng phương án và trên cơ sở xem xét tính hoàn thiện của công nghệ, mức độ tiên tiến của dây chuyền công nghệ, tính thích hợp của công nghệ để nhận xét về phương án công nghệ được chọn.

đ) Đối với dự án đầu tư vào khu công nghệ cao, ngoài các quy định nêu tại Thông tư này, cần phải đáp ứng các tiêu chí nêu tại Quy định về tiêu chuẩn xác định dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao ban hành kèm theo Quyết định số 27/2006/QĐ-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Các sản phẩm do công nghệ tạo ra, thị trường sản phẩm

- Dự báo nhu cầu thị trường (trong và ngoài nước) có tính đến các sản phẩm cùng loại, độ tin cậy của dự báo.
- Dự báo thị phần của sản phẩm do công nghệ tạo ra, tỷ lệ xuất khẩu.
- Tính hợp lý về quy mô công nghệ.
- Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm được áp dụng.
- Khả năng cạnh tranh (về chất lượng, mẫu mã, giá thành) của sản phẩm do công nghệ tạo ra.

3. Thiết bị trong dây chuyền công nghệ

a) Thiết bị trong dây chuyền công nghệ được xem xét trên cơ sở thiết bị đó có tính năng, chất lượng phù hợp với yêu cầu của công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng và số lượng như dự kiến.

b) Tính đồng bộ của thiết bị trong dây chuyền công nghệ (danh mục các thiết bị của dự án đầu tư phải thể hiện khả năng thực hiện các công đoạn trong dây chuyền công nghệ, đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng các sản phẩm). Đặc biệt đối với những dự án mà bên nước ngoài tham gia góp vốn bằng thiết bị, cần lưu ý không để xảy ra trường hợp đưa vào danh mục các thiết bị không cần thiết.

c) Trên cơ sở danh mục các thiết bị của dự án đầu tư, cần xem xét cụ thể:

- Xuất xứ của thiết bị (nước sản xuất, hãng sản xuất).
- Ký mã hiệu, các đặc tính, tính năng kỹ thuật của thiết bị.
- Công suất của thiết bị.
- Năm chế tạo của thiết bị.
- Tình trạng thiết bị (mới hay cũ).
- Thời gian bảo hành.

d) Phương thức mua sắm thiết bị: Có đấu thầu hay không? Lý do?

đ) Trong các dự án đầu tư, khuyến khích sử dụng thiết bị mới. Trường hợp nhập khẩu các thiết bị đã qua sử dụng thì phải tuân thủ đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

4. Nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho sản xuất

a) Xem xét khả năng khai thác, cung ứng, vận chuyển, lưu giữ nguyên vật liệu để cung cấp cho dự án.

b) Xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị các loại linh kiện, phụ tùng hoặc bán thành phẩm phải nhập ngoại để gia công, lắp ráp, sản xuất ra sản phẩm.

c) Xem xét chủng loại, khối lượng, giá trị nguyên, nhiên, vật liệu phải nhập ngoại, khả năng sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu tại địa phương và trong nước, khả năng sử dụng nguyên liệu ít gây ô nhiễm môi trường.

5. Hiệu quả của dự án

Khi đánh giá hiệu quả của dự án, trong đó có sự đóng góp của công nghệ, cần xem xét các khía cạnh sau:

a) Các lợi ích kinh tế - xã hội do dự án mang lại (khả năng tạo năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới, sản phẩm mới, mở rộng thị trường, tạo việc làm cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, lợi ích kinh tế của chủ dự án, v.v...).

b) Hiệu quả của công nghệ đối với địa phương, ngành (nâng cao trình độ công nghệ sản xuất của ngành, góp phần đổi mới công nghệ sản xuất của địa phương, góp phần làm gia tăng giá trị sản phẩm, tạo ra sản phẩm chủ lực, sản phẩm có thế mạnh của địa phương).

6. Những vấn đề khác có liên quan (nếu có)

III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CÔNG TÁC THẨM TRA CÔNG NGHỆ

1. Hồ sơ đề nghị thẩm tra công nghệ

Hồ sơ đề nghị thẩm tra công nghệ bao gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm tra công nghệ dự án đầu tư do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư gửi.

b) Các tài liệu thuộc hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

c) Giải trình kinh tế - kỹ thuật, trong đó nêu rõ giải pháp về công nghệ bao gồm: quy trình công nghệ; phân tích và lựa chọn phương án công nghệ; danh mục máy móc, trang thiết bị; dây chuyền công nghệ; đánh giá tác động của công nghệ đến môi trường và hiệu quả kinh tế - xã hội.

d) Dự thảo hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu dự án đầu tư có nội dung góp vốn bằng công nghệ).

2. Trình tự thẩm tra công nghệ

a) Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm tra công nghệ, cơ quan tổ chức thẩm tra công nghệ nghiên cứu và có ý kiến thẩm tra về công nghệ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

b) Đối với dự án có nội dung công nghệ rõ ràng, thuộc chuyên môn mà cán bộ cơ quan tổ chức thẩm tra công nghệ nắm vững, cơ quan tổ chức thẩm tra công nghệ trực tiếp xử lý và có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư để tổng hợp trong quá trình xem xét, cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Phiếu thẩm tra công nghệ dự án đầu tư và nội dung của văn bản thẩm tra công nghệ dự án đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục I và II của Thông tư này.

c) Đối với những dự án có nội dung công nghệ phức tạp, có tính liên ngành hoặc có phạm vi ảnh hưởng rộng, đòi hỏi phải có ý kiến của các chuyên gia và các cơ quan chuyên ngành, tùy theo mức độ phức tạp về công nghệ của dự án đầu tư, thủ trưởng cơ quan tổ chức thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư quyết định việc lấy ý kiến chuyên gia, ý kiến phản biện của cá nhân hoặc tổ chức chuyên ngành, tổ chức hội nghị tư vấn hoặc thành lập hội đồng thẩm định để xem xét.